

Số: /TTr-UBND  
(DỰ THẢO)

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tại điểm d khoản 1 Điều 56 quy định về nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định này”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản,

điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên”.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Trong giai đoạn 2021-2025, các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được triển khai đồng bộ, góp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân, nhất là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất còn phát sinh một số khó khăn, đa số các dự án phát triển sản xuất được thực hiện tại các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn; đối tượng tham gia chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nên khả năng huy động vốn đối ứng còn hạn chế. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, các đối tượng tham gia dự án chưa nhiều, điều kiện tổ chức sản xuất còn khó khăn, khả năng tiếp cận thị trường và áp dụng tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế;

Bên cạnh đó, Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, trình độ sản xuất của người dân chưa đồng đều, khả năng tích lũy và đối ứng vốn của nhiều hộ dân còn hạn chế, đặc biệt tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và thôn đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần có cơ chế hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất phù hợp theo từng nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện tốt nhất và bảo đảm khả năng tiếp cận chính sách, nâng cao hiệu quả thực hiện dự án.

Giai đoạn 2026-2030, các Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được triển khai với yêu cầu tăng cường phân cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục tiêu, phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương. Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm công khai, minh bạch, đồng bộ trong quản lý và sử dụng nguồn vốn; đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

## **1. Mục đích ban hành nghị quyết**

Nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc hỗ trợ, quản lý, giám sát và triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo nghị quyết**

Việc xây dựng nghị quyết thực hiện theo đúng quy định, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đồng thời bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung thực hiện công tác hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện.

Nghị quyết được ban hành sẽ là căn cứ để triển khai thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất từ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Quá trình soạn thảo, xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo đúng quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 để từ đó đưa ra các đề xuất chính sách nhằm đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với các quy định và nguồn lực giai đoạn 2026-2030.

2. Dự thảo hồ sơ Nghị quyết đã được xin ý kiến các Sở, ngành liên quan, các xã, phường trên địa bàn tỉnh; đăng tải xin ý kiến nhân dân trên cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày.... đến ngày...; đồng thời tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

3. Dự thảo hồ sơ Nghị quyết đã được tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

4. Dự thảo hồ sơ Nghị quyết đã được thông qua tại cuộc họp Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; kỳ họp thành viên UBND tỉnh kỳ tháng... năm 2026.

5. Dự thảo hồ sơ đã được tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

## 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

### a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện: Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Dự án phát triển sản xuất cộng đồng; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Những nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

## 2. Bộ cục của dự thảo nghị quyết: Gồm 05 điều

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Điều 3. Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

- Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

- Điều 5. Điều khoản thi hành.

## 3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết: Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

### 3.1. Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) *Mức hỗ trợ 01 dự án:* Hỗ trợ 90% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Nghị định số 358/2025/NĐ-CP giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực ngân sách nhà nước.

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lai Châu thực hiện theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND với mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 80% tổng kinh phí dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, 70% trên địa bàn khó khăn và 50% trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia. Qua thực hiện đã triển khai 63 dự án, kế hoạch liên kết sản xuất với tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 250 tỷ đồng; các dự án bước đầu phát huy hiệu quả,

góp phần hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao thu nhập cho người dân và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với người sản xuất. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các dự án liên kết còn còn nhiều khó khăn, quy mô sản xuất còn nhỏ; việc thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chủ trì liên kết còn hạn chế; khả năng huy động vốn đối ứng của người dân, đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng xa, xã biên giới, địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao còn thấp, các dự án liên kết chưa thực sự bền vững. Đây là một trong những yếu tố làm hạn chế khả năng phát triển, mở rộng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Tỉnh Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, chi phí sản xuất và tổ chức sản xuất liên kết cao; phần lớn đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, khả năng tích lũy và đối ứng vốn còn hạn chế. Vì vậy, việc nâng mức hỗ trợ tối đa đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị lên 90% tổng kinh phí thực hiện dự án là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia dự án, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng liên kết với người dân. Với mức hỗ trợ đó thể hiện rõ các chủ thể tham gia dự án vẫn phải bố trí phần vốn đối ứng và huy động các nguồn lực hợp pháp khác (10%) để thực hiện dự án, qua đó nâng cao trách nhiệm, hiệu quả sử dụng vốn và tính bền vững của mô hình liên kết.

Việc đề xuất mức hỗ trợ tối đa 90% tổng kinh phí thực hiện dự án được kỳ vọng sẽ góp phần mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa, phát triển các chuỗi liên kết bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn

*b) Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án:*

- *Chủ trì liên kết (Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Liên hiệp HTX):* Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết như khảo sát thị trường, xây dựng hợp đồng liên kết, phương án sản xuất kinh doanh, phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm là những nội dung mang tính nền tảng để hình thành và duy trì chuỗi liên kết, phục vụ lợi ích chung của các bên tham gia dự án.

Thực tế, phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, năng lực tài chính còn hạn chế, trong khi chi phí thực hiện các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết tương đối lớn. Vì vậy, việc hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các hoạt động này là cần thiết nhằm khuyến khích các đơn vị tham gia làm chủ trì liên kết, thúc đẩy phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án được xác định trên cơ sở kế thừa chính sách hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết đã được tỉnh quy định tại Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND (mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án), đồng thời điều chỉnh phù hợp với yêu cầu mở rộng quy mô liên kết, phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ sản phẩm trong giai đoạn 2026-2030. Mức hỗ trợ này cũng phù hợp với định hướng chính sách hỗ trợ phát triển liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp trong giai đoạn tới.

Bên cạnh đó, mức hỗ trợ này cũng phù hợp với định hướng chính sách của Trung ương trong dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, trong đó đề xuất hỗ trợ 100% chi phí tư vấn phát triển liên kết cho chủ trì liên kết với mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án. Do đó, việc quy định mức hỗ trợ nêu trên bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ và phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp trong thời gian tới.

*- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng:* Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo và hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng là các đối tượng được ưu tiên trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Đây cũng là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn lực sản xuất và khả năng huy động vốn đối ứng còn hạn chế.

Thực tiễn trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho thấy đa số các hộ thuộc nhóm đối tượng này có quy mô sản xuất nhỏ, đời sống còn nhiều khó khăn. Việc hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ tạo điều kiện để người dân tham gia dự án, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Mức hỗ trợ đề xuất phù hợp với chủ trương ưu tiên hỗ trợ các đối tượng yếu thế của Chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời bảo đảm tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không vượt quá mức hỗ trợ tối đa đối với từng loại dự án theo quy định của Nghị quyết.

*- Các tổ hợp tác, nhóm cộng đồng, các hộ gia đình còn lại khác:* Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Tổ hợp tác, nhóm cộng đồng và các hộ gia đình còn lại là các đối tượng trực tiếp tham gia sản xuất trong chuỗi liên kết nhưng không

thuộc nhóm đối tượng ưu tiên theo quy định của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhóm đối tượng này nhìn chung có điều kiện sản xuất và khả năng huy động nguồn lực tốt hơn so với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng ưu tiên khác. Đây là lực lượng trực tiếp tổ chức sản xuất, tạo ra sản phẩm, duy trì vùng nguyên liệu và thực hiện các cam kết liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã; đồng thời có vai trò hỗ trợ, lan tỏa kinh nghiệm sản xuất và thúc đẩy sự tham gia của các đối tượng yếu thế. Việc tham gia ổn định của nhóm đối tượng này có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả và tính bền vững của chuỗi liên kết.

Việc đề xuất mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng tham gia dự án, đồng thời yêu cầu đối ứng 20% kinh phí để nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Mức hỗ trợ này bảo đảm tập trung ưu tiên nguồn lực cho các đối tượng khó khăn, đồng thời giữ được sự chênh lệch hợp lý so với mức hỗ trợ 100% áp dụng đối với nhóm đối tượng ưu tiên.

- *Các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã tham gia dự án:* Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Việc quy định mức hỗ trợ này phù hợp với khoản 14 Điều 3 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, theo đó Nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

Doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã tham gia dự án là các chủ thể có tư cách pháp nhân, có điều kiện thuận lợi hơn về năng lực tài chính, cơ sở vật chất, trình độ quản lý, khả năng tiếp cận tín dụng và huy động các nguồn lực hợp pháp khác so với hộ gia đình và các đối tượng ưu tiên của Chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời, đây cũng là nhóm đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ việc mở rộng sản xuất, phát triển thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua dự án liên kết. Mặt khác việc đề xuất mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm bảo đảm nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ một phần vốn, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động bố trí nguồn lực đối ứng, nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện dự án và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ.

Mức hỗ trợ này vừa tạo động lực thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, vừa bảo đảm ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng ưu tiên khác, góp phần huy động nguồn lực xã hội tham gia phát triển sản xuất và nâng cao tính bền vững của chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

### **3.2. Dự án phát triển sản xuất cộng đồng:**

a) *Mức hỗ trợ 01 dự án:* Hỗ trợ 95% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án.

**Cơ sở đề xuất:** Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lai Châu đã ban hành Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với dự án phát triển sản xuất cộng đồng tối đa đến 95% tổng kinh phí thực hiện dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn. Trên cơ sở đó, toàn tỉnh đã triển khai 133 dự án phát triển sản xuất cộng đồng với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 30 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực tiễn cho thấy đa số dự án được triển khai tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn; đối tượng tham gia chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số,... nên khả năng huy động vốn đối ứng còn hạn chế. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, điều kiện tổ chức sản xuất và khả năng tiếp cận vật tư sản xuất và thị trường còn nhiều khó khăn.

Vì vậy, việc quy định mức hỗ trợ tối đa 95% tổng kinh phí thực hiện dự án là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia phát triển sản xuất, giảm khó khăn về vốn đối ứng và nâng cao hiệu quả thực hiện dự án. Đồng thời, việc yêu cầu cộng đồng và người dân tham gia đối ứng 5% kinh phí góp phần nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Mức hỗ trợ đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) *Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án:*

- *Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng:* Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở đề xuất:** Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo và các đối tượng yếu thế tham gia dự án phát triển sản xuất. Đây là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn lực sản xuất hạn chế, khả năng huy động vốn đối ứng thấp nên gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia các hoạt động phát triển sản xuất.

Thực tiễn trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho thấy tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; đa số các hộ thuộc nhóm đối tượng này có quy mô sản xuất nhỏ, điều kiện sản xuất còn nhiều khó khăn. Vì vậy, việc hỗ trợ



100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt là cần thiết nhằm tạo điều kiện để người dân tiếp cận giống, vật tư, khoa học kỹ thuật và các nguồn lực phục vụ sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Mức hỗ trợ 100% thể hiện nguyên tắc ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước đối với các đối tượng yếu thế, phù hợp mục tiêu của các Chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời bảo đảm khả năng tiếp cận chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- *Đối với Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác:* Hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở đề xuất:** Đề xuất hỗ trợ 90% nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể có quy mô sản xuất nhỏ, nguồn lực tài chính hạn chế tham gia thực hiện dự án; khuyến khích liên kết, hợp tác trong sản xuất và phát triển kinh tế hộ. Việc đối ứng 10% kinh phí của đối tượng thụ hưởng góp phần nâng cao trách nhiệm, bảo đảm hiệu quả và tính bền vững trong quá trình triển khai các nội dung hỗ trợ.

### **3.3. Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

*a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng:* Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Căn cứ khoản 1, Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng đối với các trường hợp không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế và các mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

Đây là loại hình dự án được triển khai trong những trường hợp đặc thù, khi người dân gặp nhiều khó khăn hoặc chưa đủ điều kiện tham gia các hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất khác. Đặc biệt đây là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo và hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng, đây là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất và khả năng đối ứng còn hạn chế.

Vì vậy, việc quy định mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt là cần thiết nhằm bảo đảm các đối tượng này có đủ điều kiện tham gia dự án, tiếp cận giống, vật tư, thiết bị, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới và các điều kiện cần thiết khác để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

*b) Đối với Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác:* Hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Cơ sở, lý do đề xuất:** Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng đối với các trường hợp cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân chịu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế; hoặc thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại là lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất, duy trì và phát triển các mô hình sản xuất được hỗ trợ từ dự án. Mặc dù không thuộc nhóm đối tượng ưu tiên, nhưng đây vẫn là đối tượng tham gia thực hiện dự án đặc thù, đồng thời phần lớn nhóm đối tượng này vẫn có điều kiện kinh tế còn khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ, khả năng huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất còn hạn chế.

Việc quy định mức hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện để người dân tham gia dự án, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, đồng thời yêu cầu đối tượng tham gia đối ứng 10% kinh phí để nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ.

Mức hỗ trợ này bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tạo sự khác biệt hợp lý với mức hỗ trợ áp dụng đối với các nhóm đối tượng ưu tiên, đồng thời góp phần duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

**1. Dự kiến nguồn lực:** Kinh phí phân bổ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên cơ sở nguồn kinh phí sự nghiệp thực tế phân bổ từ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035 và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

**2. Thời gian trình:** Thông qua Nghị quyết vào kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp tháng 8 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Hồ sơ được gửi kèm qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh gồm: (1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (4) Báo cáo đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025; (5) Báo cáo đánh giá mối quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết; (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (8) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT. (.....)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**